

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÙNG KHÁNH  
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 54/2024/HS-ST  
Ngày 19 - 6 -2024

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lý Thị Hoài.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Mã Thị Huệ và ông Hoàng Văn Dự.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà La Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa:** Bà Ma Kim Hiệp - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 41/2024/TLST-HS ngày 14/5/2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2024/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

Lương Văn A, tên gọi khác: Không có; Sinh ngày 09/7/1981 tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Giới tính: Nam;

Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Tày; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ học vấn: 0/12; Con ông Lương Văn Đ, sinh năm 1946 và bà Nguyễn Thị Đ1 (Đã chết); Vợ: Nông Thị H, sinh năm 1980; Con: Có 01 con sinh năm 2003. Tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 06/3/2024 đến nay tại xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

*Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Hoàng Thị Diệp H1, sinh năm 1989 - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh C. Có mặt.

**- Bị hại:** Lương Đình Đ2, sinh năm 1992; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt.

**- Người làm chứng:**

+ Lương Văn L, sinh năm 1963; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do;

+ Lương Văn N, sinh năm 1995; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do;

+ Hoàng Văn D, sinh năm 1999; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do;

+ Lương Văn Đ3, sinh năm 1990; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do;

+ Nông Thị H, sinh năm 1980; Địa chỉ: xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Có mặt;

+ Triệu Văn V, sinh năm 1980; Địa chỉ: xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Vắng mặt không có lý do;

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 17 giờ ngày 12/01/2024, Lương Văn A sinh năm 1981, trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng đi bộ qua gần nhà Lương Đình Đ2, sinh năm 1992 (Là người cùng xóm), nghe thấy nhà Đ2 có nhiều người nói chuyện, A vào nhà Đ2 chơi. Tại đây, A nhìn thấy Lương Văn L, sinh năm 1993 (Là bố đẻ của Đ2), Triệu Văn V, sinh năm 1980 trú tại xóm Đ, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng và Đảm đang ngồi uống nước. A cũng vào ngồi cùng. Lúc này, V đang cầm trên tay 01 chiếc điện thoại của V và 01 chiếc điện thoại của Đ2. Vạn mượn điện thoại của Đ2 để chuyển danh sách mời dự tiệc cưới qua ứng dụng zalo. Do con khóc, Đ2 đi vào buồng bế con. A ngồi vào vị trí của Đ2, vị trí ngồi bên tay trái V. Sau khi chuyển xong danh sách Vạn để điện thoại của Đ2 xuống bàn. Lúc này, A có cầm lên xem và đặt lại xuống bàn. Vạn nói chuyện với ông L một lúc rồi xin phép về nhà. Khi V ra cửa, ông L cũng đi ra theo. Tại bàn uống nước lúc này chỉ còn lại một mình A, A quan sát không thấy ai nên nảy sinh ý định trộm cắp chiếc điện thoại. A rút điện thoại vào túi quần đi ra cửa, đi đến nhà mẹ vợ của A ăn cơm. Khi A đang ngồi ăn cơm, chiếc điện thoại A lấy trộm được có nhiều cuộc gọi đến nhưng A không nghe máy.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, sau khi ăn cơm xong, A đi về nhà được khoảng 35 mét thì gặp Hoàng Văn D, sinh năm 1999, là người cùng xóm. D nói với A “*anh Đảm đi tìm anh đây*”. D cùng A đi bộ một đoạn thì gặp Đảm đang điều khiển xe mô tô chở theo Lương Văn Đ3, sinh năm 1990, là người cùng xóm. Đảm hỏi A “*Bác mày có được cầm điện thoại của tao không?*”. A trả lời là “*Không được lấy*”. Đảm xuống xe và đến trước mặt A, hét lên “*Mày có được cầm điện thoại của tao không?*”. Đồng thời Đ2 dùng tay phải tát 01 phát vào mặt A. A sợ nên đã lấy từ túi quần ra 01 chiếc điện thoại đưa cho Đ2 và nói “*Đây này, tao được cầm 01 cái*”. Đảm lấy được điện thoại và bắt A xin lỗi nhưng A không xin lỗi. Đảm tức giận đánh tiếp vào mặt A thêm mấy phát. Khi đến đoạn đường rẽ vào nhà Đ2, ông L và Triệu Văn V nhìn thấy A cũng lao vào đánh. Sự việc kết thúc khi có Công an xã Đ, huyện T đến làm việc.

Ngày 22/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T có văn bản yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng huyện T định giá tài sản. Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐGTS ngày 02/02/2024 của Hội đồng định

giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C5 tại thời điểm định giá có trị giá 2.870.400 đồng.

Vật chứng vụ án là một chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C5, màu đen. Ngày 22/3/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện T đã trả lại cho chủ sở hữu.

Tại cơ quan điều tra, lời khai của bị cáo Lương Văn A phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, biên bản thực nghiệm hiện trường, kết luận định giá tài sản và những vật chứng, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại Lương Đình Đ2 và những người làm chứng: Lương Văn L và Triệu Văn V thừa nhận được đánh cảnh cáo bị cáo Lương Văn A khi biết A là người đã trộm điện thoại của Đ2; Những người làm chứng Lương Đình N1, Hoàng Văn D và Lương Văn Đ3 thừa nhận không được chứng kiến sự việc bị cáo A trộm điện thoại của Đ2, chỉ được gọi đi giúp tìm điện thoại và không được đánh bị cáo A. Những người làm chứng đều cam đoan khai đúng sự thật, nếu sai sẽ chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tại bản Cáo trạng số: 43/CT-VKSTK ngày 14/5/2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng đã truy tố Lương Văn A về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Bị cáo xác nhận: Cáo trạng phản ánh đúng diễn biến hành vi phạm tội của mình. Do điện thoại của bị cáo đã bị hỏng nên nảy sinh ý định trộm cắp điện thoại để xem phim. Nay biết hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại Lương Văn Đ4 khai: Anh là người cùng xóm với Lương Văn A. Khoảng 17 giờ ngày 12/01/2024, Lương Văn A có đến nhà anh chơi và ngồi uống nước. Lợi dụng lúc anh sơ hở, A đã trộm lấy 01 điện thoại nhãn hiệu Realme C5 màu đen đang để trên bàn. Do bản thân rất tức giận, tinh thần bị kích động khi biết A đã trộm điện thoại của mình nên anh đã đánh A để cảnh cáo và giải tỏa sự tức giận, ngoài anh ra còn có Lương Văn L và Triệu Văn V được đánh A. Anh nhận thấy việc đánh A là sai. Anh đã nhận lại điện thoại, xác nhận điện thoại còn nguyên vẹn và sử dụng bình thường. Anh không yêu cầu bị cáo A phải bồi thường.

Người làm chứng, Nông Thị H khai: Bị cáo Lương Văn A là chồng của chị. Ngày 12/01/2024, chị không có mặt tại hiện trường và không được chứng kiến sự việc xảy ra. Chị chỉ biết thông tin sự việc qua lời chồng kể. Ngày 13/01/2024 chị thấy mặt chồng tím và hỏi thì chồng nói bị đánh do lấy trộm điện thoại của Đ4. Chị cam đoan những lời khai của chị là đúng sự thật, nếu sai xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; Điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Lương Văn A từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, với thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Về trách nhiệm dân sự: Do tài sản đã được trả lại cho chủ sở hữu, bị hại

không yêu cầu nên không xem xét. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Người bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm bào chữa: Nhất trí với tội danh và Điều luật áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết sau để giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo sinh sống ở vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, bị cáo không đi học, không biết đọc, biết viết nên nhận thức pháp luật còn hạn chế; Bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi của mình. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng hình phạt ở mức thấp nhất khung hình phạt theo đề nghị của đại diện viện kiểm sát và đề nghị miễn án phí cho bị cáo.

Bị cáo, bị hại không có ý kiến tranh luận. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về các yếu tố cấu thành tội phạm: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa, hoàn toàn phù hợp với các lời khai tại Cơ quan Điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng về thời gian, địa điểm và các tài liệu khác có trong hồ sơ nên có cơ sở để kết luận: Hồi 17 giờ 00 ngày 12/01/2024, tại nhà Lương Đình Đ2, sinh năm 1992 trú tại xóm B, xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng có Lương Văn A, sinh năm 1981 là người cùng xóm đến nhà chơi. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tài sản, A đã lấy trộm chiếc điện thoại nhãn hiệu Realme C5 của anh Đ2 có giá trị 2.870.400 đồng. Mục đích trộm cắp để phục vụ nhu cầu cá nhân.

Xét tính chất vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, đã gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bị cáo là người có nhận thức, tuy không biết đọc chữ và không biết viết chữ nhưng bị cáo có hiểu biết xã hội, pháp luật và có đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện với lỗi cố ý. Giá trị tài sản chiếm đoạt trên 2.000.000đ. Do đó, hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Khi phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị cáo là Người dân tộc thiểu số sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự cần được xem xét khi lượng hình.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội bị cáo có nhân thân tốt, Hội đồng xét xử nhận thấy, khi phạm tội bị cáo không có tình tiết tăng nặng, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự có nơi cư trú ổn định do đó, căn cứ vào các quy định tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ngày 15/5/2018 hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo, Nghị quyết số 01/2022/NQ-HĐTP ngày 15/4/2022 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP Hội đồng xét xử nhận định: không nhất thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định, có thể xem xét áp dụng Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo hưởng án treo theo mức đề nghị hình phạt của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh và người bào chữa là phù hợp, cũng đủ sức răn đe để bị cáo giáo dục tại địa phương, có cơ hội sửa chữa lỗi lầm, trở thành người công dân có ích; việc cho bị cáo được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, điều đó cũng thể hiện chính sách khoan hồng của Đảng và Nhà nước ta.

Như vậy, mức hình phạt mà Kiểm sát viên và người bào chữa đưa ra là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4]. Về vật chứng: Chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Realme C5 màu đen đã được Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại cho chủ sở hữu là có căn cứ.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu nên không xem xét.

[6]. Về hình phạt bổ sung: Xét thấy gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bị cáo có tiền sử bệnh sơ gan, sức khỏe yếu và là người không có công việc thu nhập ổn định, không có tài sản riêng để đảm bảo thi hành án nên không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ.

[7]. Đối với Lương Đình Đ2, Lương Văn L và Triệu Văn V có hành vi gây thương tích cho Lương Văn A, tuy nhiên kết luận giám định thương tích đối với Lương Văn A là 0% nên hành vi của Đ2, L, V không cấu thành tội phạm. Quá trình thực hiện hành vi vi phạm không có sự thống nhất, bàn bạc từ trước. Sau khi Đ2 lấy lại được tài sản, mặc dù A không có hành động chống trả nhưng do nóng giận tức thời đối với hành vi trộm cắp của A nên Đ2, L và V đã có hành vi cố ý gây thương tích cho bị cáo A. Do đó, ngày 19/4/2024, Công an huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lương Đình Đ2, Lương Văn L và Triệu Văn V nhưng không bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định là đúng theo quy định của pháp luật.

[8]. Về án phí: Bị cáo là người bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo có đơn xin miễn án phí, gia đình bị cáo

là hộ nghèo và bị cáo là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã Đ là xã vùng 3 thuộc vùng kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, là trường hợp được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hội đồng xét xử chấp nhận miễn án phí cho bị cáo.

[9]. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự.

**1. Về tội danh:** Tuyên bố bị cáo Lương Văn A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

**2. Về hình phạt:** Xử phạt bị cáo Lương Văn A 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 19/6/2024.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Cao Bằng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

**3. Về án phí:** Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn A.

**4. Về quyền kháng cáo:** Áp dụng Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại có quyền kháng cáo phần Bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh;
- Sở tư pháp;
- VKSND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đoàn Dương (*bằng TB*);
- Bị cáo; Người bào chữa;
- Lưu hồ sơ, án văn.

### **T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Lý Thị Hoài**

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mã Thị Huệ

Hoàng Văn Dự

Lý Thị Hoài